

**CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐẠI THANH PHƯƠNG PHÁT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐẠI THANH PHƯƠNG PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3702888649

**3. Ngày thành lập:** 01/07/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

39 ấp 1B, Xã Phước Hoà, Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0905546519

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Mã ngành                                                     |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 1.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4390                                                         |
| 2.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4101                                                         |
| 3.  | Xây dựng nhà không để ở<br>Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp.                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4102(Chính)                                                  |
| 4.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4299                                                         |
| 5.  | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4211                                                         |
| 6.  | Xây dựng công trình đường bộ<br>Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông, cầu, đường.                                                                                                                                                                                                                                                             | 4212                                                         |
| 7.  | Hoàn thiện công trình xây dựng<br>Chi tiết: Trang trí nội ngoại thất, thi công sơn, các loại trần, các loại cửa, đồ gỗ (trừ cửa xẻ, bảo quản gỗ).                                                                                                                                                                                                 | 4330                                                         |
| 8.  | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô.                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4933                                                         |
| 9.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4322                                                         |
| 10. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4311                                                         |
| 11. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4312                                                         |
| 12. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Bán buôn xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi và vật liệu xây dựng. Bán buôn hàng trang trí nội, ngoại thất. Bán buôn sơn các loại, bột trét tường các loại, các loại tấm trần, các loại cửa trong xây dựng.                                                                | 4663                                                         |
| 13. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, vật liệu xây dựng, sơn các loại, bột trét tường các loại, tấm trần các loại, hàng trang trí nội ngoại thất (riêng xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sạn bán tại chân công trình). | 4752                                                         |
| 14. | Lắp đặt hệ thống điện<br>Chi tiết: Lắp đặt hệ thống điện, camera giám sát.                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4321                                                         |
| 15. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4221                                                         |
| 16. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4222                                                         |
| 17. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4223                                                         |
| 18. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4291                                                         |
| 19. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4293                                                         |
| 20. |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

## 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | ĐỖ THỊ NGUYỆT  | 39 ấp 1B, Xã Phước Hoà, Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam                    | 600.000.000           | 60,000    | 281145499                                                                                                                                         |         |
| 2   | ĐỖ VĂN THANH   | 39 ấp 1B, Xã Phước Hoà, Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam                    | 400.000.000           | 40,000    | 280750253                                                                                                                                         |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: ĐỖ THỊ NGUYỆT

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 01/01/1980

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 281145499

Ngày cấp: 10/11/2012

Nơi cấp: CA Bình Dương

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 39 ấp 1B, Xã Phước Hoà, Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: 39 ấp 1B, Xã Phước Hoà, Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương